



XÂY DỰNG THANG ĐO ĐÁNH GIÁ ĐỘNG CƠ TẬP LUYỆN CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN TẠI TRƯỜNG NĂNG KHIẾU NGHIỆP VỤ THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH QUẢNG NAM

BUILDING A SCALE TO EVALUATE ATHLETES TRAINING MOTIVATION AT QUANG NAM SPORTS GIFTED SCHOOL

TÓM TẮT: Qua khảo sát trên 140 vận động viên đang đã xác định được 08 nhóm với 28 biến quan sát để đánh giá động cơ tham gia tập luyện tại Trường Năng khiếu nghiệp vụ Thể dục Thể thao Tỉnh Quảng Nam bao gồm: Động cơ trải nghiệm gồm 10 biến quan sát; Động cơ điều kiện đảm bảo cho tập luyện gồm 06 biến quan sát; Động cơ liên kết xã hội gồm 04 biến quan sát; Động cơ thành tích bao 03 biến quan sát; Động cơ vật chất thực dụng gồm 01 biến quan sát; Động cơ tăng giá trị bản thân gồm 02 biến quan sát; Động cơ sức khỏe gồm 01 biến quan sát và Động cơ môi trường sống và tập luyện gồm 01 biến quan sát.

TỪ KHÓA: Thang đo; động cơ tập luyện; vận động viên.

ABSTRACT: Through a survey of over 140 athletes, 08 groups with 28 observed variables have been identified to evaluate the motivation to participate in training at Quang Nam Sports gifted school including: Experience motivation includes: 10 observed variables; Motivational conditions to ensure training includes 06 observed variables; Social connection motivation includes 04 observed variables; Achievement motivation includes 03 observed variables; Pragmatic material motivation includes 01 observed variable; The motive to increase self-worth includes 02 observed variables; Health motivation includes 01 observed variable and Living environment and exercise motivation includes 01 observed variable.

KEYWORDS: Scale; training motivation; athletes.

NGUYỄN NAM HẢI

*Trường Đại học Công nghệ
Thành phố Hồ Chí Minh*

PHAN VĂN HẠ

*Trung tâm Đào tạo và Thi đấu
Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam*

NGUYEN NAM HAI

*Ho Chi Minh City University
of Technology*

PHAN VAN HA

*Quang Nam Sports Training and
Games Centre*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo và huấn luyện thể thao là hai mặt của một quá trình thống nhất. Theo nghĩa rộng huấn luyện thể thao là tất cả các quá trình đào tạo có tổ chức nhằm mục đích nâng cao khả năng về sinh lý, tâm lý, trí tuệ và kỹ thuật vận động của con người (Dietrich. H, 1988). Để đạt được thành tích thể thao vận động viên phải có thời gian tập luyện gian khổ nhiều năm, cuộc sống của họ gắn liền với quá trình tập luyện và thi đấu

thể thao, quá trình đó làm phát triển về thể chất, tâm lý và nhân cách cho vận động viên. Nghiên cứu động cơ tập luyện gắn với nhu cầu, ước muốn, hứng thú, tình cảm, ý thức, niềm tin... của vận động viên tạo nên động lực, cải biến tâm lý trong đào tạo và huấn luyện thể thao là một nhiệm vụ cần thiết. Xây dựng thang đo khám phá động cơ tham gia tập luyện của vận động viên tỉnh Quảng Nam được tiến hành trong nghiên cứu này. Kết quả của nghiên cứu này làm cơ

sở cho việc đo lường, đánh giá và điều chỉnh tâm lý cho các vận động viên thể thao tỉnh Quảng Nam nói riêng và làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo.

Phương pháp nghiên cứu:

Sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu định tính để xây dựng thang đo ban đầu. Sử dụng phương pháp thống kê để khám phá động cơ tham gia tập luyện thể thao và sự hài lòng với các thuật toán phân tích nhân tố khám phá EFA, t-test, Anova.

Khách thể nghiên cứu: 140 vận động viên Trường Năng khiếu nghiệp vụ Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thông tin chung về khách thể tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 140 vận động viên thể thao tại Trường Năng khiếu nghiệp vụ Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam. Kết quả mô tả mẫu nghiên cứu (bảng 1) cho thấy tỉ lệ nữ (53.6%) cao hơn nam (46.4%), sự chênh lệch tỉ lệ giữa nam và nữ là không đáng kể. Độ tuổi của các vận động viên cao nhất là từ 14-16 tuổi (43.6%), tiếp theo là từ 17-19 tuổi (26.4%), từ 11-13 tuổi (19.3%), từ 20 tuổi trở lên (8.6%), thấp nhất là dưới 11 tuổi (2.1%). Tỉ lệ vận động viên ở các môn thể thao được phân bố tương đối đều trong mẫu, nhóm môn thể thao có tỉ lệ cao là Karatedo, Điền kinh, Pencak silat (15.7% đến 15.0%); Nhóm môn có tỉ lệ trung bình là các môn Wushu, cầu lông, võ cổ

BẢNG 1: THỐNG KÊ THÔNG TIN CHUNG VỀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU (n=140)

NỘI DUNG		SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ %
Giới tính	Nam	65	46.4
	Nữ	75	53.6
	Tổng	140	100
Độ tuổi	< 11 tuổi	3	2.1
	Từ 11-13 tuổi	27	19.3
	Từ 14-16 tuổi	61	43.6
	Từ 17-19 tuổi	37	26.4
	Từ 20-22 tuổi	8	5.7
	Lớn hơn 22 tuổi	4	2.9
	Tổng	140	100
Môn thể thao đang tập luyện	Điền kinh	21	15.0
	Bóng chuyên	11	7.9
	Pencak silat	21	15.0
	Cầu lông	15	10.7
	Taekwondo	11	7.9
	Boxing	9	6.4
	Karatedo	22	15.7
	Wushu	17	12.1
	Võ cổ truyền	13	9.3
	Tổng	140	100
	Thành tích thi đấu	Huy chương ở các giải quốc gia	10
Huy chương ở các giải khu vực		6	4.3
Chưa có thành tích		111	79.3
Tổng		140	100

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

truyền (12.1% đến 9.3%); Nhóm môn có tỉ lệ thấp là Bóng chuyên, Taekwondo, Boxing (7.9% đến 6.4%). Kết quả thống kê đẳng cấp và huy chương của vận động viên cho thấy cao nhất là chưa có thành tích (79.3%), có huy chương thi đấu giải quốc gia và giải khu vực (11.4%), có đẳng cấp (9.3%).

2.2. Kết quả xây dựng thang đo đánh giá động cơ tập luyện của vận động viên tại Trường Năng khiếu nghiệp vụ Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam

Tổng kết lý thuyết về nhu cầu và động cơ tham gia hoạt động và các công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước với nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau. Qua phân tích, thảo luận, tham khảo ý kiến chuyên gia, nghiên cứu tiếp cận theo hướng nhu cầu là nguồn gốc của động cơ tập luyện thể thao, với quan điểm đào tạo và huấn luyện thể thao là một quá trình lâu dài có kế hoạch, hệ thống và khoa học, trong đó vận động viên là đối tượng của quá trình này. Cùng với sự phát



BẢNG 2: DỰ THẢO CÁC NỘI DUNG THANG ĐO ĐÁNH GIÁ ĐỘNG CƠ TẬP LUYỆN CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN

TT	NỘI DUNG
1	Để được đi du lịch nhiều nơi
2	Để được khám phá xã hội
3	Để được yêu mến
4	Để được người khác chấp nhận
5	Để được tôn trọng
6	Để cảm nhận việc đạt thành tích
7	Để trở thành hình tượng.
8	Để tạo nên giá trị cho bản thân
9	Để có danh tiếng
10	Để tránh khỏi phạm tội
11	Vi trường có điều kiện tập luyện tốt
12	Vi trường có đội ngũ HLV danh tiếng
13	Vi trường có chất lượng đào tạo và tài liệu huấn luyện tốt
14	Vi phương pháp và chương trình đào tạo tốt
15	Vi trường có nơi ở ổn định
16	Vi trường có các dịch vụ tập luyện nâng cao
17	Để được học và tập luyện
18	Để phát triển và trưởng thành
19	Để có cơ hội tham gia các hoạt động xh
20	Để được công hiến
21	Để trở thành người chiến thắng
22	Để phát triển mục tiêu cá nhân
23	Để tạo nên sự tự tin
24	Để thoát khỏi tình trạng nghèo khó
25	Để tăng lòng dũng cảm
26	Để kết bạn
27	Để được khỏe mạnh
28	Để được sống và tập luyện trong môi trường tốt

triển thể chất và thành tích thể thao là sự phát triển và hoàn thiện các phẩm chất tâm lý và nhân cách của vận động viên. Từ cách tiếp cận và quan điểm trên tác giả đã đề xuất thang đo ban đầu gồm 6 nhân tố động cơ là: Động cơ cơ bản; động cơ an toàn; động cơ xã hội; động cơ tự tôn; động cơ thể hiện bản thân; động cơ khác. Từ 6 nhóm nhân tố đã thiết kế được 28 biến đo lường động cơ tham gia tập

luyện bao gồm các nội dung như sau:

Bảng hỏi được thiết để đo lường sự phù hợp theo thang Likert 5 mức độ (từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý). Bảng hỏi được phát chính thức, thu về sau khi chọn lọc được 140 bảng hỏi sử dụng để phân tích so sánh và đánh giá.

2.2.1. Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả phân tích tại bảng 2 cho thấy, các nhân tố đều có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha cao, từ 0,66-0,84. Hệ số Cronbach's Alpha của các nhân tố này đều lớn hơn 0,6, hệ số tương quan biến tổng của các biến trong thang đo đều > 0,3 nên đạt yêu cầu và đủ điều kiện cho phân tích nhân tố khám phá (EFA).

2.2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích tại bảng 3 cho thấy: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's test tại bảng 3 cho thấy chỉ số $KMO = 0.861 (> 0.5)$, hệ số này đã thỏa mãn điều kiện $0.5 \leq KMO \leq 1$. Kết quả này chỉ ra rằng các biến quan sát trong tổng thể có mối tương quan với nhau và phân tích nhân tố EFA được chấp nhận với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả phân tích nhân tố (bảng 4) có 9 nhóm nhân tố được trích tại Eigenvalues với phương sai trích là 1.013 (70.736%). Điều này cho biết 9 nhân tố đầu tiên giải thích được 70.736% những biến thiên của bộ dữ liệu.

Từ kết quả ma trận xoay nhân tố bảng 5 cho cả 28 biến đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 và không có trường hợp biến nào cùng lúc tải lên cả hai nhân tố với hệ số tải gần nhau. Nên các nhân tố đảm bảo được giá trị hội tụ và phân biệt khi phân tích EFA. Sử dụng phương pháp xoay các nhân tố (Rotated Component Matrix) với hệ số tải (factor loading > 0.5), kết quả còn cho thấy 28 biến quan sát được chia thành 8 nhóm nhân tố. Đặt tên lại cho các

nhóm nhân tố động cơ theo các hệ số đại diện cho nhóm như sau:

- Nhóm Động cơ trải nghiệm bao gồm 10 biến quan sát: Để được đi du lịch nhiều nơi, Để được khám phá xã hội, Để được yêu mến, Để được người khác chấp nhận, Để được tôn trọng, Để cảm nhận việc đạt thành tích, Để trở thành hình tượng, Để tạo nên giá trị cho bản thân, Để có danh tiếng và Để tránh khỏi phạm tội.

- Nhóm Động cơ điều kiện đảm bảo cho tập luyện bao gồm 06 biến quan sát: Vì trường có điều kiện tập luyện tốt, Vì trường có đội ngũ huấn luyện viên danh tiếng, Vì trường có chất lượng đào tạo và tài liệu huấn luyện tốt, Vì phương pháp và chương trình đào tạo tốt, Vì trường có nơi ở ổn định và Vì trường có các dịch vụ tập luyện nâng cao.

- Nhóm Động cơ liên kết xã hội bao gồm 04 biến quan sát: Để được học và tập luyện, Để phát triển và trưởng thành, Để có cơ hội tham gia các hoạt động xã hội và Để được công hiến.

- Nhóm Động cơ thành tích bao gồm 03 biến quan sát: Để trở thành người chiến thắng, Để phát triển mục tiêu cá nhân và Để tạo nên sự tự tin

- Nhóm Động cơ vật chất thực dụng bao gồm 01 biến quan sát: Để thoát khỏi tình trạng nghèo khó.

- Nhóm Động cơ tăng giá trị bản thân bao gồm 02 biến quát sát: Để kết bạn và Để được khỏe mạnh.

- Nhóm Động cơ sức khỏe

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỆ SỐ TIN CẬY CRONBACH'S ALPHA TỔNG HỢP CỦA THANG ĐO (n=140)

TT	BIẾN QUAN SÁT	HỆ SỐ TƯƠNG QUAN BIẾN TỔNG	HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA
1	Để được đi du lịch nhiều nơi	0.50	0.806
2	Để được khám phá xã hội	0.38	0.801
3	Để được yêu mến	0.52	0.774
4	Để được người khác chấp nhận	0.61	0.801
5	Để được tôn trọng	0.61	0.844
6	Để cảm nhận việc đạt thành tích	0.60	0.801
7	Để trở thành hình tượng.	0.65	0.844
8	Để tạo nên giá trị cho bản thân	0.62	0.802
9	Để có danh tiếng	0.63	0.703
10	Để tránh khỏi phạm tội	0.46	0.806
11	Vì trường có điều kiện tập luyện tốt	0.48	0.801
12	Vì trường có đội ngũ hlv danh tiếng	0.57	0.774
13	Vì trường có chất lượng đào tạo và tài liệu huấn luyện tốt	0.64	0.801
14	Vì phương pháp và chương trình đào tạo tốt	0.65	0.840
15	Vì trường có nơi ở ổn định	0.64	0.801
16	Vì trường có các dịch vụ tập luyện nâng cao	0.65	0.789
17	Để được học và tập luyện	0.62	0.802
18	Để phát triển và trưởng thành	0.63	0.703
19	Để có cơ hội tham gia các hoạt động xã hội	0.56	0.806
20	Để được công hiến	0.48	0.801
21	Để trở thành người chiến thắng	0.37	0.774
22	Để phát triển mục tiêu cá nhân	0.54	0.801
23	Để tạo nên sự tự tin	0.65	0.814
24	Để thoát khỏi tình trạng nghèo khó	0.44	0.801
25	Để tăng lòng dũng cảm	0.65	0.812
26	Để kết bạn	0.62	0.802
27	Để được khỏe mạnh	0.63	0.703
28	Để được sống và tập luyện trong môi trường tốt	0.56	0.806

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

BẢNG 4: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ KIỂM ĐỊNH BARTLETT'S CÁC NHÓM NHÂN TỐ

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.861
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3094.005
	df	630
	Sig.	.000

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

**BẢNG 5: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EIGENVALUES VÀ PHƯƠNG SAI TRÍCH CÁC NHÓM NHÂN TỐ**

	INITIAL EIGENVALUES			EXTRACTION SUMS OF SQUARED LOADINGS			ROTATION SUMS OF SQUARED LOADINGS		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	12.013	33.371	33.371	12.013	33.371	33.371	6.816	18.932	18.932
2	2.756	7.655	41.025	2.756	7.655	41.025	3.614	10.039	28.971
3	2.246	6.238	47.263	2.246	6.238	47.263	2.893	8.036	37.007
4	1.833	5.092	52.355	1.833	5.092	52.355	2.624	7.290	44.297
5	1.668	4.632	56.987	1.668	4.632	56.987	2.555	7.097	51.394
6	1.553	4.314	61.302	1.553	4.314	61.302	2.021	5.614	57.008
7	1.259	3.496	64.797	1.259	3.496	64.797	1.761	4.893	61.901
8	1.125	3.126	67.923	1.125	3.126	67.923	1.721	4.781	66.682
9	1.013	2.813	70.736	1.013	2.813	70.736	1.460	4.054	70.736
10	.925	2.569	73.305						
11	.837	2.325	75.630						

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

BẢNG 6: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MA TRẬN XOAY CÁC NHÓM NHÂN TỐ ĐỘNG CƠ

TT	BIẾN QUAN SÁT	CÁC NHÓM NHÂN TỐ							
		1	2	3	4	5	6	7	8
1	Để được đi du lịch nhiều nơi	.641							
2	Để được khám phá xã hội	.710							
3	Để được yêu mến	.750							
4	Để được người khác chấp nhận	.804							
5	Để được tôn trọng	.742							
6	Để cảm nhận việc đạt thành tích	.716							
7	Để trở thành hình tượng.	.679							
8	Để tạo nên giá trị cho bản thân	.621							
9	Để có danh tiếng	.685							
10	Để tránh khỏi phạm tội	.609							
11	Vì trường có điều kiện tập luyện tốt		.603						
12	Vì trường có đội ngũ huấn luyện viên danh tiếng		.798						
13	Vì trường có chất lượng đào tạo và tài liệu huấn luyện tốt		.852						
14	Vì phương pháp và chương trình đào tạo tốt		.771						
15	Vì trường có nơi ở ổn định		.742						
16	Vì trường có các dịch vụ tập luyện nâng cao		.591						
17	Để được học và tập luyện			.619					
18	Để phát triển và trưởng thành			.557					
19	Để có cơ hội tham gia các hoạt động xã hội			.701					

20	Để được công hiến			.618				
21	Để trở thành người chiến thắng			.631				
22	Để phát triển mục tiêu cá nhân			.689				
23	Để tạo nên sự tự tin			.803				
24	Để thoát khỏi tình trạng nghèo khó				.734			
25	Để tăng lòng dũng cảm					.534		
26	Để kết bạn					.722		
27	Để được khỏe mạnh						.813	
28	Để được sống và tập luyện trong môi trường tốt							.761

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

bao gồm 01 biến quan sát: Để được khỏe mạnh

- Nhóm Động cơ môi trường sống và tập luyện bao gồm 01 biến quan sát: Để được sống và tập luyện trong môi trường tốt

3. KẾT LUẬN

Bằng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng đã xây dựng được thang đo đánh giá động cơ tập luyện của các vận động viên tại Trường năng khiếu nghiệp vụ Thể dục Thể

thao tỉnh Quảng Nam thông qua qui trình gồm các bước tiến hành chặt chẽ, đảm bảo độ tin cậy. Kết quả đã xác định được thang đo gồm 08 nhóm động cơ với 28 nội dung đánh giá như sau: Nhóm Động cơ trải nghiệm bao gồm 10 biến quan sát
- Nhóm Động cơ điều kiện đảm bảo cho tập luyện bao gồm 06 biến quan sát

- Nhóm Động cơ liên kết xã hội bao gồm 04 biến quan sát
- Nhóm Động cơ thành tích

bao gồm 03 biến quan sát

- Nhóm Động cơ vật chất thực dụng bao gồm 01 biến quan sát
- Nhóm Động cơ tăng giá trị bản thân bao gồm 02 biến quan sát
- Nhóm Động cơ sức khỏe bao gồm 01 biến quan sát.
- Nhóm Động cơ môi trường sống và tập luyện bao gồm 01 biến quan sát. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 05/03/2024; ngày phân biện đánh giá: 15/03/2024; ngày chấp nhận đăng bài: 15/04/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abraham H. Maslow (1943), A theory of human motivation, Psychological review, Vol. 50, pp. 253-280.
2. Laura M.C & Jose A.M.G., (2007), Consumer Satisfaction with a Periodic Reoccurring Sport Event and the Moderating Effect of Motivations, Sport Marketing Quarterly, Vol 16, 70-81, West Virginia University
3. Lê Quý Phượng và cộng sự (2015), Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý thể dục thể thao, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội
4. Ryska, Todd A, (2001), The Impact of Acculturation on Sport Motivation Among Mexican-American Adolescent Athletes, The Psychological Record, Vol. 51, Issue 4.
5. Nguyễn Đăng Thuyền (2010), Nghiên cứu động cơ và nhu cầu tập luyện tập luyện thể dục thể thao của người dân ở thị xã Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương, Luận văn thạc sỹ giáo dục học, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu với SPSS, Nhà xuất bản Hồng Đức.